

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC. Địa chỉ: 11 Cửa Bắc, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Tài khoản: Mã số thuế: 0100100417 Điện thoại: 02253515390
E-ĐKC 1.7	Công trình: Đường dây và TBA 110kV Tứ Minh (Đại An 2)
E-ĐKC 1.10	Địa điểm: KCN Đại An mở rộng, Phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng - Tập 2: Các bản vẽ thiết kế thi công của E-HSMT (PDF đính kèm)
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 120 ngày kể từ ngày khởi công công trình
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 120 ngày kể từ ngày khởi công công trình
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Theo thông báo khởi công của chủ đầu tư.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: ____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có]; - Tư vấn giám sát là: ____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát]; ...
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: ____ [Chủ đầu tư điền]
E-ĐKC 2.3(i)	- Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng; - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; - E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu;

	- E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT; - Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng <i>[ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến 10% giá hợp đồng]</i>. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn (trong vòng 150 ngày kể từ ngày phát hành) và Bên nhận thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn, Bên nhận thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.

	Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ tự động hết hiệu lực sau 28 ngày kể từ ngày công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được bản gốc Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng cuối cùng. - Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư và do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 (%) Giá trị hợp đồng cuối cùng.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 01 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.

E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT</i>].
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ _____ [<i>ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)</i>].
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm hàng hoá vận chuyển, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu. + Đối với VTTB cung cấp, lắp đặt cho công trình: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm mua bảo hiểm vận chuyển tới chân công trình.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: KCN Đại An mở rộng, Phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hoặc một khoảng thời gian khác do hai bên tự thoả thuận kể từ khi tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng hoà giải trong vòng 30 ngày kể từ khi phát sinh tranh chấp (hoặc một thời gian khác do 2 bên thoả thuận vào khi tranh chấp phát sinh) tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng.

	Quyết định của Tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả 2 bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí. Thời hiệu khởi kiện theo thủ tục trọng tài hoặc thời hiệu khởi kiện lên Tòa án giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: _____ <i>[ghi ngày dự định khởi công]</i>. - Ngày hoàn thành dự kiến: _____ <i>[ghi ngày hoàn thành dự kiến]</i>.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 30 ngày/ 1 lần - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 1.520.000.000 VNĐ <i>(Tính bằng 3% giá trị gói thầu được duyệt)</i>
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Áp dụng theo các quy định hiện hành của nhà nước.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: (Chủ đầu tư chứng kiến lấy mẫu) - Đối với cách điện và dây dẫn: Ngoài các quy định chung phải được thí nghiệm mẫu trước khi nghiệm thu hàng hóa theo quy định của Tổng công ty Điện lực miền Bắc tại các văn bản hướng dẫn thực hiện sau: Văn bản số 5539/EVNNPC-KT ngày 31/12/2015 về việc ban hành và áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật đối với dây và cáp điện; văn bản số 1424/EVNNPC-VT+KT ngày 17/4/2018 về việc tăng cường quản lý chất lượng VTTB; văn bản số 4048/EVNNPC-KT ngày 16/9/2019 về việc quy định lấy mẫu thử nghiệm xác suất, kiểm soát chất lượng mua sắm tập trung VTTB; văn bản số 955/EVNNPC-KT ngày 06/3/2020 về việc thực hiện thí nghiệm cách điện mẫu theo tiêu chuẩn; văn bản số 4698/EVNNPC-VT ngày 07/9/2020 về việc chấn chỉnh công

	tác báo cáo và kiểm tra chất lượng VTTB trước khi lắp đặt; Văn bản số 3029/EVNNPC-KT ngày 09/6/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc; - Đối với Cột thép cung cấp biên bản lấy mẫu và kết quả thử nghiệm thép đầu vào để sản xuất cột của đơn vị giám định độc lập phục vụ quá trình nghiệm thu lắp ráp cột mẫu. <i>(Các chi phí về công tác thí nghiệm mẫu, lắp đặt cột thép mẫu nêu trên đã bao gồm trong giá hợp đồng)</i> - Đối với phụ kiện đầu cốt, kẹp cực: Yêu cầu tuân thủ công tác thử nghiệm mẫu theo văn bản 3003/EVNNPC-KT ngày 16/6/2020. - Đối với dây và cáp điện, sứ cách điện, đầu cốt các loại phải thực hiện lấy mẫu thử nghiệm xác suất để kiểm soát chất lượng. Chỉ được tiến hành lấy mẫu thử nghiệm xác suất khi nhà thầu đã tập kết đầy đủ 100% hàng hóa. Trường hợp khác cần chia tách thành nhiều đợt giao hàng, các bên cần phải thống nhất trước trong thỏa thuận hợp đồng, hoặc có văn bản chỉ đạo riêng của cấp có thẩm quyền. Khi chia tách vẫn phải đảm bảo từng đợt được lấy mẫu thử nghiệm đúng quy định. - Quy định lấy mẫu: a. Dây và cáp điện - Các lô (cuộn) dây và cáp phải đảm bảo liên sợi liên tục, chất lượng đồng đều. Mỗi lô chỉ được cuộn 1 chủng loại dây/cáp. Các đoạn ngắn được miễn thí nghiệm theo quy định có thể cuộn chung sau khi đã kiểm đếm. - Mỗi chủng loại dây, cáp có số lượng lô ≤ 2 lô lấy ít nhất 01 mẫu. Đối với chủng loại có số lượng từ 2÷4 lô lấy 02 mẫu, từ 5 lô trở lên lấy 03 mẫu (Hoặc lấy mẫu theo quy định của cơ quan thử nghiệm). - Với chủng loại hàng có số lượng ít (Cáp $\leq 100\text{m}$, dây nhôm lõi thép $\leq 300\text{kg}$) có thể miễn thử nghiệm mẫu, sử dụng biên bản thử nghiệm mẫu cùng chủng loại của các đơn hàng trước cùng nhà sản xuất. - Các mẫu được niêm phong và bảo vệ để đảm bảo không bị hư hại, hao tổn cho đến khi thí nghiệm. - Các chỉ tiêu về thử nghiệm mẫu căn cứ các TCVN và IEC liên quan từng chủng loại cáp. - Sau khi lấy mẫu và niêm phong đúng theo quy định, có thể tiến hành việc vận chuyển và giao nhận tạm thời đến kho/công
--	--

trình của đơn vị mua sắm. Việc giao nhận chính thức, bóc gỡ niêm phong, bàn giao cho đơn vị thi công chỉ được tiến hành sau khi có thông báo thí nghiệm đạt yêu cầu của đơn vị thí nghiệm (ETC hoặc tương đương).

- Trường hợp thí nghiệm không đạt yêu cầu thì toàn bộ hàng hóa chủng loại đó phải được nhà cấp hàng thay thế và các bên tiến hành lấy mẫu thử nghiệm xác suất lại từ đầu đối với mặt hàng thay thế. Đối với nhà thầu thiếu năng lực hoặc chây ỳ trong việc thay thế hàng hóa kém chất lượng, có thể xem xét hủy bỏ hợp đồng theo quy định.

b. Sử dụng cách điện các loại:

Đối với thử nghiệm mẫu, sử dụng là E1. Khi số cách điện lớn hơn 10.000 cái thì chúng được chia thành các lô bằng nhau với số lượng trong khoảng từ 2.000 đến 10.000 cái. Kết quả thử nghiệm được đánh giá riêng cho từng lô.

Số lượng cách điện dùng cho thử nghiệm mẫu không bao gồm trong số lượng cách điện chỉ định trong bảng phạm vi cung cấp của hồ sơ mời thầu/hợp đồng. Tất cả các chi phí kiểm tra và thử nghiệm bao gồm trong giá chào. Số lượng mẫu thử như sau:

Số lượng mỗi lô hàng	Kích cỡ mẫu
	E1
$N \leq 300$	3
$300 < N \leq 2.000$	4
$2.000 < N \leq 5.000$	8
$5.000 < N \leq 10.000$	12

D. Quản lý chi phí

E-ĐKC 40

Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

E-ĐKC 41.1

Giá hợp đồng: *Cố định trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng*

Trường hợp hợp đồng có quy định về trượt giá thì chọn phương pháp bù trừ trực tiếp hoặc phương pháp điều chỉnh bằng công thức điều chỉnh trên cơ sở áp dụng chỉ số giá. Phương pháp điều chỉnh giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định rõ trong hợp đồng.

- Trường hợp áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra:

	<i>Chủ đầu tư đưa ra các nội dung để xác định giá trị thanh toán trên cơ sở kết quả đầu ra như sau:</i> <i>+ Yêu cầu về chất lượng đầu ra và mức độ chất lượng có thể chấp nhận được;</i> <i>+ Biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng của dịch vụ do nhà thầu cung cấp (ví dụ lấy mẫu phân tích);</i> <i>+ Mức độ giảm trừ thanh toán hoặc tăng giá trị thanh toán theo kỳ thanh toán;</i> <i>+ Các nội dung cần thiết khác.</i>
E-ĐKC 42.1	- Giá trị tạm ứng: 10% giá trị hợp đồng trước thuế - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ). - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản - Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (bảo lãnh trả trước) được ghi bằng đồng tiền của hợp đồng và phải do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp và có uy tín tại Việt Nam hoặc một Ngân hàng nước ngoài (được Chủ đầu tư chấp nhận) phát hành, theo mẫu đã quy định trong Hợp đồng. + Bảo lãnh trả trước có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng và là Bảo lãnh không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư và phải có hiệu lực đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết tiền tạm ứng. + Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. - Nguyên tắc để tạm ứng cho Nhà thầu: Chủ đầu tư tiến hành tạm ứng cho Nhà thầu sau khi bàn giao một phần hoặc toàn bộ mặt bằng thi công xây dựng cho nhà thầu. - Tiền tạm ứng sẽ được ứng cho Nhà thầu trong vòng 30 ngày khi Chủ đầu tư nhận được các chứng từ sau: + Công văn đề nghị tạm ứng của Nhà thầu: + Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 01 bản gốc và 05 bản sao y của

	ngân hàng phát hành. + Bảo lãnh tạm ứng có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng: 01 bản gốc và 05 bản sao y của Ngân hàng phát hành; + Chứng nhận bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu: 01 bộ gốc và 03 bộ sao của đơn vị phát hành. - Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán khối lượng hoàn thành của Nhà thầu theo từng giai đoạn và thu hồi hết giá trị tạm ứng khi khối lượng thanh toán nghiệm thu gói thầu đạt đến 80% giá trị hợp đồng. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.
E-ĐKC 44.1	1. Phương thức thanh toán: - Bên A sẽ thanh toán cho bên B 90% giá trị khối lượng hoàn thành giai đoạn trước thuế (bao gồm cả thu hồi tạm ứng) trong vòng 60 ngày và 100% thuế VAT trong vòng 6 tháng theo giai đoạn thanh toán trên cơ sở đơn giá hợp đồng và khối lượng nghiệm thu của từng giai đoạn thanh toán sau khi Nhà thầu hoàn thành các hạng mục công việc của hợp đồng và cung cấp đủ các tài liệu sau: + Công văn đề nghị thanh toán: + Hóa đơn GTGT hợp lệ: + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo phụ lục PL03a Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021. + Biên bản nghiệm thu vật tư thiết bị tại chân công trình trước khi đưa và lắp đặt, Biên bản nghiệm thu vật liệu xây dựng, cát san lấp công trường có ký và đóng dấu xác nhận chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, số lượng, chất lượng, tình trạng vật tư thiết bị theo quy định của Hợp đồng. + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành giai đoạn có đại diện Bên A và đại diện bên B ký và đóng dấu (theo mẫu biên

	bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng): + Biên bản thử nghiệm chỉ tiêu cơ lý vật liệu xây dựng. + Chứng nhận kiểm định của cơ quan PCCC đối với VTTB thuộc hạng mục PCCC; + Hồ sơ chất lượng khác (nếu có) + Nhật ký thi công, bản vẽ hoàn công, biên bản nghiệm thu công việc và hồ sơ pháp lý kèm theo. 2. Thanh toán: 10% giá trị còn lại sẽ được thanh toán như sau: + 05 % giá trị nghiệm thu quyết toán được thanh toán cho Nhà thầu sau khi Nhà thầu hoàn thành công tác xây lắp, đóng điện công trình, có hồ sơ quyết toán giá trị và Nhà thầu phát hành Bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá trị hợp đồng. + 05 % còn lại được thanh toán cho Nhà thầu sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và và hai bên thanh lý hợp đồng 3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 4. Kế hoạch thanh toán, giải ngân: Nhà thầu phải đăng ký (bằng văn bản) kế hoạch, thời điểm, giá trị giải ngân gửi Chủ đầu tư trước thời điểm đề nghị giải ngân ít nhất 40 ngày. Nếu nhà thầu không đảm bảo kế hoạch giải ngân theo đăng ký thì sẽ chuyển sang thanh toán tại lần giải ngân tiếp theo hoặc tại thời điểm quyết toán dự án.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: : 10 % <i>[ghi tỷ lệ phần trăm]</i> <i>[số tiền giữ lại thường xấp xỉ 5% và không vượt quá 10% trong mọi trường hợp].</i>
E-ĐKC 47.1(d)	Không áp dụng

E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: 1. Đối với VTTB cung cấp cho gói thầu: - Phạt chậm tiến độ: Khi Bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành công tác cung ứng VTTB theo điều khoản về tiến độ thì sẽ bị phạt như sau: Phạt 1% giá trị phần hàng hoá VTTB bị vi phạm cho mỗi tuần, khi nhà thầu chậm đến 5 tuần Bên A sẽ xem xét đình chỉ thực hiện phần việc bị vi phạm này và sẽ ký kết hợp đồng với một nhà thầu khác để thực hiện, chi phí cho việc này sẽ được trừ vào giá trị hợp đồng. - Phạt vi phạm chất lượng: Trong thời gian bảo hành theo hợp đồng nếu hàng hoá, VTTB hư hỏng do không đảm bảo về chất lượng thì nhà thầu có trách nhiệm thay thế theo quy định tại điều khoản của bảo hành. 2. Đối với phần xây dựng: Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng theo tiến độ (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau: - Phạt 0,5 % giá trị xây lắp bị vi phạm cho mỗi tuần; - Khi bên B chậm đến 8 tuần thì Bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng; - Bên B vi phạm nghĩa vụ nộp tiến độ thi công chi tiết và biện pháp tổ chức thi công thì bị phạt 0,5 % giá trị hợp đồng. Khi bên B chậm đến 2 tuần thì bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, bên B sẽ chịu mọi chi phí và thực hiện việc sửa chữa theo yêu cầu của bên A để đảm bảo chất lượng và bị phạt 0,5% giá trị phần hợp đồng xây lắp bị vi phạm về chất lượng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục xử lý phạt. 3. Trong trường hợp bên B không thực hiện hợp đồng thì sẽ tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng. 4. Các trường hợp vi phạm ngoài việc phải chịu phạt như quy định ở trên, nhà thầu còn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về bồi thường thiệt hại do vi phạm trực tiếp hay gián tiếp gây ra cho Bên A hoặc Bên thứ 3.

	5. Phạt do chậm nộp hồ sơ quyết toán: Trong trường hợp Nhà thầu chậm trễ trong việc lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trình Chủ đầu tư thẩm tra, thẩm định phê duyệt thì Chủ đầu tư có quyền xem xét xử phạt nhà thầu vi phạm thời gian chậm nộp hồ sơ quyết toán của nhà thầu. Mức Phạt được quy định phạt 0,1 % giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm nộp hồ sơ quyết toán. Nhưng tổng số tiền phạt do chậm nộp hồ sơ quyết toán không quá 5% giá trị của Hợp đồng. 6. Mọi trường hợp vi phạm trên được hiểu là do lỗi chủ quan của nhà thầu, các trường hợp này sẽ là cơ sở để Bên A xem xét khả năng, năng lực, uy tín của nhà thầu trong việc tham gia thực hiện các gói thầu khác do Bên A quản lý. 7. Nếu 03 lần kiểm tra công trình, bên A phát hiện bên B không có đủ nhân lực bộ máy thi công, máy móc, thiết bị thi công, vật tư thiết bị theo tiến độ cam kết trong hợp đồng và biện pháp, tiến độ tổ chức thi công đã được bên A chấp thuận, bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
E-ĐKC 49.3	Thuởng hợp đồng: Không áp dụng [ghi "áp dụng" hoặc "không áp dụng"]. <i>Trường hợp "áp dụng", quy định nội dung cụ thể về thuởng hợp đồng theo quy định của pháp luật.</i>
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: 120 ngày kể từ ngày kể từ ngày có thông báo khởi công công trình
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Bên B phải nộp bản vẽ hoàn công cho cả công trình là 15 ngày kể từ ngày hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Nếu Chủ đầu tư không nhận được hoặc tài liệu không phù hợp Nhà thầu sẽ phải chịu các chi phí phát sinh.

E-ĐKC 55.2	Tổng số tiền giữ lại vì không nộp BVHC vào ngày yêu cầu là 51.000.000 VNĐ cho mỗi ngày chậm trễ (<i>tính bằng 0,1% giá gói thầu cho mỗi ngày chậm</i>)
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.